

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01014

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 14 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10147048	NGUYỄN ĐỨC LINH	DH10QR	1		6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	08160088	NGUYỄN KHÁNH LINH	DH10BQ	1		4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	08131089	NGUYỄN THUY HOÀNG	DH08CH	1		2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	09131040	NGÔ PHI LONG	DH09CH	1		3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10112097	DƯƠNG HÀ MY	DH10TY	1		5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10113092	HUỖNH THẾ NAM	DH10NH	1		4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10112100	NGUYỄN HUỖNH NGA	DH10TY	1		6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	10125108	NGUYỄN THỊ THANH NGA	DH10BQ	1		4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10147057	NGUYỄN ANH NGÔ	DH10QR	1		4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	10113099	TRẦN THẢO NGUYỄN	DH10NH				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10148174	ĐẶNG THỊ MINH NHẬT	DH10DD	1		8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	09131116	NGUYỄN NGỌC NHI	DH09CH	1		3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	08113113	NGUYỄN MINH NHUẬN	DH08NH	1		5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10125136	LÂM THỊ NGỌC PHƯƠNG	DH10BQ	1		3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10125137	LƯU THỊ PHƯƠNG	DH10BQ	1		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10147070	NGUYỄN TRỌNG QUANG	DH10QR	1		4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10157153	NGÔ MINH QUÂN	DH10DL	1		6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	08160134	VÕ HỒNG QUÂN	DH08TK	1		4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 55; Số tờ: 55

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

H. Nam Việt

H. Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01014

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi TV103

Nhóm Thi :

Nhóm 14 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10114056	PHẠM CÔNG QUỐC	DH10LN	1	Quốc	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10113123	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH10NH	1	Ngọc	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	10125144	LÊ NGUYỄN TRÚC	DH10BQ	1	Trúc	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	10142126	NGUYỄN THỊ NHƯ	DH10DY	1	Như	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	09157241	LÝ PHUM MA	DH09DL	1	Phum Ma	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	09116129	BÙI DƯƠNG ĐỨC	DH09NT	1	Dức	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	09148126	ĐÀO VĂN SANH	DH09DD	1	Văn Sanh	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	09142090	NGUYỄN THÀNH TÀI	DH09DY	1	Tài	1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	10147078	TÙ CẨM	DH10QR				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	10157158	VÕ BÁ TÀI	DH10DL	1	Bài	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	10127130	NGUYỄN HOÀNG TÂM	DH10MT	1	Tâm	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10161103	NGUYỄN THANH TÂM	DH10TA	1	Tâm	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	09111035	NGUYỄN THÀNH TÂN	DH09CN	1	Thành Tân	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
32	10125153	TRẦN QUANG THÁI	DH10BQ	1	Quang Thái	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
33	10113136	ĐẶNG NGỌC THẠNH	DH10NH	1	Thạch	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
34	09149180	NGÔ TÂN THẠNH	DH09QM	1	Tân Thạch	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
35	10161112	BÙI THỊ THU THẢO	DH10TA	1	B. Thảo	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
36	10112167	NGUYỄN THỊ DẠ THẢO	DH10TY	1	Dạ Thảo	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 55; Số tờ: 55

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Phụ Trưởng Tài Năng
H. Nam Việt

Phụ Trưởng Tài Năng
H. Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01014

Trang 3/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 14 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10147083	LÊ QUỐC THẮNG	DH10QR	1	<i>2thuy</i>	4,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
38	10113144	TRINH VĂN THẬT	DH10NH	1	<i>Thuy</i>	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
39	10113145	LÊ NGỌC HOÀNG	DH10NH	1	<i>Thuy</i>	3,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
40	10113152	PHẠM THỊ THU	DH10NH	1	<i>Thuy</i>	4,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
41	10113158	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DH10NH	1	<i>Thuy</i>	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
42	08160154	NGUYỄN THỊ THANH	DH08TK	1	<i>Thuy</i>	4,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
43	10125159	VÕ THỊ KIM	DH10BQ	1	<i>Thuy</i>	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
44	10147094	NGUYỄN HỒNG TÍN	DH10QR				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
45	10126183	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH10SH	1	<i>Thuy</i>	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
46	10125172	PHAN THỊ KIỀU	DH10BQ	1	<i>Thuy</i>	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
47	10114037	TRẦN THỊ TUYẾT	DH10LN				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
48	10113179	TRẦN QUANG	DH10NH	1	<i>Thuy</i>	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
49	09112193	VÕ HOÀNG	DH09TY	1	<i>Thuy</i>	4,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
50	08131187	HUỲNH NGỌC TÚ	DH08CH				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
51	10161146	VÕ THỊ CẨM	DH10TA	1	<i>Thuy</i>	4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
52	10147105	PHẠM THANH	DH10QR	2	<i>Thuy</i>	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
53	09126255	LÊ VĂN TÙNG	DH09SH	1	<i>Thuy</i>	4,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
54	09131081	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH09CH	1	<i>Thuy</i>	5,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 05; Số tờ: 55

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trần T.N. Ngu
Thị Nam Việt

Thuy

Thuy
Thị Ngọc Kỳ

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi TV103

Nhóm Thi :

Nhóm 14 - Tổ 002 -

[illegible]

Số bài: 105; Số tờ: 55

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng

नञ्

Thị Thiên Diễm Nguyễn
anh Hồ Nam Việt



Handwritten signature: *Handwritten signature*
Hs Ngaz Ky

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00988

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD101

Nhóm Thi :

Nhóm 07 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10157237	ĐẶNG THÚY AN	DH10DL			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	10113007	ĐẶNG QUỐC BẢO	DH10NH			4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	09131007	NGUYỄN HOÀNG SƠN	DH09CH			4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	10126009	NGUYỄN THỊ CAM	DH10SH			5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10157018	LÊ THỊ KIM CHI	DH10DL			5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10336068	NGUYỄN VŨ MỸ	CD10CS			2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10113226	CHAU CHIÊN	DH10NH			7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	10148020	NGÔ VĂN CHIẾN	DH10DD			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10157022	NGUYỄN VĂN CHIẾN	DH10DL			4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	10149018	ĐỖ THỊ CÚC	DH10QM			3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10113249	ERDENEJARGAL DASHZEV	DH10NH				0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	10127021	TRÀ NGÔ XUÂN DIỆU	DH10MT			3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	10126017	NGUYỄN HỒ MỸ DUNG	DH10SH			4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	09111008	ĐỖ VĂN DŨNG	DH09CN			4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10147017	LÊ VĂN DŨNG	DH10QR			4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10131010	NGÔ NGỌC DUY	DH10CH			6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10142029	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	DH10DY			6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	10117046	DƯƠNG THỊ THU HÀ	DH10CT			5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 15; Số tờ: 15

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

HỒ Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00988

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD101

Nhóm Thi :

Nhóm 07 - Tổ 001 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
19	10149048	LƯƠNG VĂN HÀ	DH10QM			1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	07113050	TRINH NGOC HÀ	DH08NH			2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	09148035	TRƯƠNG THI PHÚC	DH09DD			4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	10114010	HOÀNG ANH HÀO	DH10LN			4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	09125044	MAI THỊ XUÂN HẠNG	DH09BQ			4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	08141086	VÕ THỊ HẾT	DH08NY			1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10113045	LÊ THỊ THU HIẾU	DH10NH			3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	07125070	NGUYỄN CHÍ HIẾU	DH08BQ			2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 25; Số tờ: 25

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00989

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD102

Nhóm Thi :

Nhóm 07 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
1	09125057	HUỖNH THỊ HƠN	DH09BQ			5,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
2	10149078	TRẦN THỊ DIỄM	DH10QM			7,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
3	10112073	NGUYỄN VĂN QUỐC	DH10TY			5,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8
4	10336146	TRỊNH BÌNH	CD10CS			4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
5	10157080	VÕ CHÂU VIỆT	DH10DL			6,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
6	10113073	ĐÀO THỊ HỒNG	DH10NH			5,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
7	10149087	NGUYỄN THỊ THÚY	DH10QM			9,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
8	10161060	PHẠM VĂN	DH10TA				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
9	09112078	CAO VĂN	DH09TY			3,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
10	10112254	BIỆN THỊ HỒNG	DH10TY			3,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
11	10117098	ĐẶNG THỊ	DH10CT			2,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
12	09142051	VÕ THÙY	DH09DY			2,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
13	08132034	LƯƠNG THỊ THÙY	DH08SP			4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
14	09156031	PHẠM THỊ PHƯƠNG	DH09VT			7,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
15	10113081	TRẦN THỊ PHƯƠNG	DH10NH			2,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
16	09113064	LÊ THỊ KIỀU	DH09NH			6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
17	09161069	TRẦN THỊ	DH09TA			4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
18	10336012	THÔI NHẬT	CD10CS			4,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8

Số bài: 24; Số tờ: 24

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00989

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD102

Nhóm Thi :

Nhóm 07 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
19	10112106	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	DH10TY			8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10157125	ĐẶNG MINH NGUYỄN	DH10DL			4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	10336118	NGUYỄN NHẠC	CD10CS				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	10113101	BÙI THỊ MỸ NHẬN	DH10NH			4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	09336132	ĐẶNG THỊ MỸ NHUNG	CD09CS			4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10126111	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	DH10SH			8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10149138	HOÀNG THỊ NINH	DH10QM			8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	10336046	HUỖNH NỮ HỒNG PHÁT	CD10CS			4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 24; Số tờ: 24

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00990

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103

Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 003

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10336087	LÊ MINH PHÁT	CD10CS	1	<i>Phat</i>	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	08146071	NGUYỄN ĐỨC PHÚ	DH08NK	1	<i>Phuc</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10114095	NGUYỄN QUANG PHÚ	DH10LN				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	10142117	NGUYỄN HỮU PHÚC	DH10DY	1	<i>phuc</i>	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10113110	NGUYỄN THỊ KIỀU	DH10NH	1	<i>kiều</i>	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10160082	ĐOÀN THỊ PHUONG	DH10TK	1	<i>phong</i>	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10113124	HOÀNG LÊ NGỌC QUÝ	DH10NH	1	<i>Hoang</i>	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	10336091	TRẦN VĂN QUÝ	CD10CS	1	<i>Quynh</i>	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	09148123	TRẦN THỊ TUYẾT QUỲN	DH09DD	1	<i>Tuyết</i>	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	10336090	BÙI THỊ KIM QUYẾN	CD10CS	1	<i>Kim</i>	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10336120	KIỀU THÁI SANG	CD10CS	1	<i>Thai</i>	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	10126141	ĐỖ KHẮC SÁNG	DH10SH	1	<i>Sang</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	10336060	NGUYỄN THỊ KIM SINH	CD10CS	1	<i>Kim</i>	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	08117160	TRẦN THANH SINH	DH08CT	1	<i>Thanh</i>	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	09149168	DƯƠNG VĂN SỬ	DH09QM	1	<i>Su</i>	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10113227	CHAU KIM SƯƠNG	DH10NH	1	<i>Su</i>	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10116166	LÂM ĐỨC TÀI	DH10NT	1	<i>Tai</i>	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	10112253	MÃ THỊ TÂM	DH10TY	1	<i>Tam</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 32; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 04 năm 2011

Ch. Trần Thị Ngọc
Bạch Liên Thảo

Trưởng Bộ môn

Nguyễn Thị Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00990

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD103

Nhóm Thi :

Nhóm 07 - Tổ 003

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
19	08126184	PHẠM MINH TÂM	DH08SH	1		5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10161106	TRẦN THỊ MỸ	DH10TA	1		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	10161108	NGUYỄN THỊ THA	DH10TA	1		9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	10112255	CHÂU NỮ CHIÊM	DH10TY	1		2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	09116144	TRẦN QUỐC THÁI	DH09NT	1		2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10142137	BÙI THỊ MỸ THANH	DH10DY	1		6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	08132054	NGUYỄN THỊ MỸ THẢO	DH08SP	1		5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	09157170	TRẦN THỊ THU	DH09DL	1		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	10161165	TRÀ VĂN THỊ THẨM	DH10TA	1		4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	08112252	DƯƠNG CÔNG THẮNG	DH08TY	1		4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	09127132	PHẠM QUANG THẮNG	DH09MT	1		4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10113219	TRẦN QUỐC THẮNG	DH10NH	1		6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	09149183	VI VĂN THẮNG	DH09QM	1		5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
32	09113125	NGUYỄN THỊ THẨM	DH09NH	1		5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
33	09127137	LÊ QUANG THIÊN	DH09MT	1		4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 22; Số tờ: 22

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 04 năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00991

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD104

Nhóm Thi :

Nhóm 07 - Tổ 004

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10113146	BÙI NGỌC THỊNH	DH10NH			5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	07113205	TRẦN ĐỨC THỌ	DH08NH			1,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10161166	TÔ NGUYỄN KIM THOA	DH10TA			4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	08146127	NGUYỄN THỊ CẨM THƠ	DH08NK			2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10113222	KIM THỜI	DH10NH			5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	09148159	NGUYỄN THỊ THƠM	DH09DD			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10113153	QUẢN THỊ THU	DH10NH			4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	10112193	VÕ THỊ ANH THƯ	DH10TY			4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10157192	PHẠM THỊ KIM THƯƠNG	DH10DL			6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	10157193	CHU HIẾU TIÊN	DH10DL			6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	08169269	LÊ ĐỨC TIẾN	CD08CS			4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	10113163	NGUYỄN MINH TIẾN	DH10NH			7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	10113220	TRIỆU THỊ TOÀN	DH10NH			4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10142177	TẠ THỊ TON	DH10DY			4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10149210	DƯƠNG THỊ MỸ TRANG	DH10QM			6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10160119	PHẠM HOÀNG TRANG	DH10TK			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10157207	TRẦN THỊ KIỀU TRANG	DH10DL			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	09125185	TRẦN THỊ THU TRANG	DH09BQ			6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài:.....30.....; Số tờ:.....30.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00991

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 004

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10113171	NGÔ THỊ BÍCH	TRÂM	DH10NH		5,8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10161135	VÕ THỊ HỒNG	TRI	DH10TA	✓		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	10142186	NGUYỄN HỮU	TRÍ	DH10DY		5,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	09112194	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	DH09TY	✓		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	09157211	LÊ QUỐC	TRUNG	DH09DL		4,9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10114039	PHAN THANH	TUẤN	DH10LN	✓		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10142191	NGUYỄN THỊ TÂM	TUYỀN	DH10DY		4,4	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	10142192	LÂM ÁNH	TUYẾT	DH10DY		5,8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	10112231	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	DH10TY		4,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	08114105	NGUYỄN SỸ	VĂN	DH08LN	✓		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	10142199	HỒ NGỌC TƯỜNG	VI	DH10DY		7,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10114092	TRƯƠNG QUỐC	VIỆT	DH10LN		4,9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	10149248	HỒNG HẢI	VINH	DH10QM		4,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
32	10142202	NGUYỄN TOÀN	VINH	DH10DY		5,6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
33	10161153	HỒ QUANG	VŨ	DH10TA	u	8,1	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
34	10142209	TRẦN NGỌC	YÊN	DH10DY		7,1	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Hà Thị Thu Hoa

Hồ Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01005

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD402

Nhóm Thi :

Nhóm 12 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10157004	VÕ THỊ THU AN	DH10DL			6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	10147002	NGÔ THỊ VÂN ANH	DH10QR			4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10149005	NGUYỄN NHẬT ANH	DH10QM			4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	09116004	NGUYỄN TUẤN ANH	DH09NT			4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10147008	LÊ VĂN CẢNH	DH10QR			4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10132001	NGUYỄN THỊ KIM CHÂU	DH10SP			4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10113015	PHAN MINH CHÂU	DH10NH			5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	10161007	LÊ MANH CƯỜNG	DH10TA			7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	09336028	NGUYỄN CAO CƯỜNG	CD09CS			4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	09145012	VI VĂN CƯỜNG	DH09BV			2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	09142008	BÙI VĂN DANH	DH09DY			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	10114066	NGUYỄN VĂN DANH	DH10LN			4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	10160015	PHẠM HỒNG DÂN	DH10TK			6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10113019	LÊ VÕ NGỌC DIỆM	DH10NH			4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10142019	NGUYỄN THỊ THANH DUNG	DH10DY			8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	09132002	KIM THUY BÍCH DUYÊN	DH09SP			7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10149029	NGUYỄN THỊ NGỌC DUYÊN	DH10QM			6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	10336150	VÕ VĂN ĐẠO	CD10CS			4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 24; Số tờ: 24

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01005

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD402

Nhóm Thi : Nhóm 12 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10336123	NGUYỄN THANH ĐẠT	CD10CS		<i>Đạt</i>	4,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	10147023	NGUYỄN ĐÔNG ĐO	DH10QR				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	10114008	NGUYỄN TRƯỜNG ĐỘ	DH10LN		<i>Độ</i>	4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	09147134	HUỲNH MINH ĐỨC	DH09DL		<i>Đức</i>	5,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	09112035	BÙI NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	DH09TY		<i>Trường Giang</i>	4,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	10161024	THÁI VĂN HÀO	DH10TA		<i>Hào</i>	4,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	10336057	NGUYỄN XUÂN HOẠT	CD10CS		<i>Xuân Hoạt</i>	3,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Thị Thanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01006

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD403

Nhóm Thi : Nhóm 12 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09126281	PI NĂNG THỊ	HỒNG	DH09SH		3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	10149071	NGUYỄN QUANG	HUY	DH10QM		2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10161050	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH10TA		5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	10114014	NGUYỄN TẤN	HƯNG	DH10LN		2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10113064	LÊ QUỐC	HƯƠNG	DH10NH		4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10149079	TRẦN THỊ THANH	HƯƠNG	DH10QM		4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10114072	TRƯƠNG ĐÌNH	KHẢ	DH10LN		4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	09142046	VŨ THỊ HỒNG	KHÁNH	DH09DY		7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10113070	NGUYỄN HOÀNG	KHÔI	DH10NH		3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	10336072	PHẠM TRẦN ĐĂNG	KHƯƠNG	CD10CS			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10147043	TRẦN TRUNG	KIÊN	DH10QR		3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	10114016	PHAN NGỌC	KỲ	DH10LN		4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	09336093	ĐÌNH THỊ	LẠC	CD09CS		5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10131027	LÊ THỊ THU	LÊ	DH10CH			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	09148071	NGUYỄN THỊ	LIÊM	DH09DD		4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10336029	HOÀNG THỊ	LIÊU	CD10CS		1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10116067	HUỖNH VĂN	LINH	DH10NT		5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	10147049	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH	DH10QR		4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01006

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD403

Nhóm Thi :

Nhóm 12 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09126285	ĐẶNG THỊ BÍCH	LOAN	DH09SH		3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	08125115	HUỖNH NGỌC	LỮY	DH08BQ		3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	09126121	LÊ NGUYỄN TẤN	LỰC	DH09SH		4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	10116075	NGUYỄN THỊ HUỖNH	MAI	DH10NT		6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	09160076	TRẦN ĐỨC	MANH	DH10TK		4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10147053	NGUYỄN THANH	MINH	DH10QR		4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10131034	HÀ THANH	MỪNG	DH10CH		3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	10336015	MAI THỊ	MỪNG	CD10ES			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	09336124	LÊ VĂN	NGỌC	CD09CS		4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	09131114	PHẠM VĂN	NGUYỄN	DH09CH		4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	09142069	NGUYỄN Ý	NHA	DH09DY		6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10336006	HUỖNH THANH	NHÂN	CD10CS		4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	09148105	NGÔ THỊ QUỲNH	NHI	DH09DD		6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài:; Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Hồng Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01007

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD404

Nhóm Thi :

Nhóm 12 - Tổ 003 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10131044	NGUYỄN THỊ VÂN	NHI	DH10CH		4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
2	09336131	TRƯƠNG THỊ KHÁNH	NHI	CD09CS		5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
3	09156051	NGUYỄN TRẦN HUỖNH	NHƯ	DH09VT		5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
4	09336138	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	CD09CS		3,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
5	10113107	TRẦN THỊ KIM	OANH	DH10NH		4,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
6	09145083	HUỖNH VĂN	PHONG	DH09BV		4,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
7	10336088	NGUYỄN XUÂN	PHÚ	CD10CS		5,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
8	09113098	ĐẶNG BÌNH	PHÚC	DH09NH		5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
9	10114025	NGUYỄN SONG	PHƯƠNG	DH10LN		7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
10	10113116	PHẠM NGUYỄN HIỀN	PHƯƠNG	DH10NH		3,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
11	10160079	TRẦN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	DH10TK		5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
12	10113120	NGUYỄN HỒNG	QUANG	DH10NH		2,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
13	10131050	TRẦN NGỌC	QUÍ	DH10CH		3,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
14	10336133	TÔ THỊ TRANG	QUYÊN	CD10CS		3,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
15	10145031	CHAU CHANH	RA	DH10BV		4,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
16	10147077	NGÔ THỊ	SỞ	DH10QR		2,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
17	10161098	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH10TA		8,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
18	09336162	NGUYỄN HỮU	TÂM	CD09CS			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8

Số bài: 20 ; Số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01007

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD404

Nhóm Thi :

Nhóm 12 - Tổ 003

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09160117	LÊ VĂN TÂM	DH09TK			4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10147080	NGUYỄN THANH TÂM	DH10QR			3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	09117155	HUỖNH VĂN TÂN	DH09CT			6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	10126162	LÊ HOÀNG THÁI	DH10SH			6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	09126208	NGUYỄN XUÂN THẮNG	DH09SH			6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10111062	HỒ THỊ HỒNG THỊNH	DH10CN			3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10336082	NGUYỄN ANH THOẠI	CD10CS			4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	09131126	TRẦN THỊ HỒNG THUẬN	DH09CH			4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	09131128	NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY	DH09CH			6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	10131058	THÁI THỊ THANH THÚY	DH10CH			4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	10113161	ĐÌNH TẤN THỨA	DH10NH			8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10149204	TRỊNH MỸ THẢO TIỀN	DH10QM			4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	09148167	ĐÌNH THỊ TIỀN	DH09DD			8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 20 Số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01008

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 -

phút

Phòng thi RD501

Nhóm Thi :

Nhóm 12 - Tổ 004 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10114036	PHAN TRUNG	TÍN	DH10LN	<i>Tu</i>	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	09126231	MAI THỊ THÚY	TÌNH	DH09SH	<i>mai</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10160120	TRẦN THỊ HƯƠNG	TRÀ	DH10TK	<i>hương</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	10336106	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	CD10CS	<i>Thuy</i>	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10336027	BÙI ĐỨC	TRÍ	CD10CS	<i>Bui</i>	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10336108	PHAN THỊ DIỄM	TRINH	CD10CS	<i>Phan</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10131068	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	DH10CH	<i>Thanh</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	09112192	NGUYỄN BÁ	TRUNG	DH09TY	<i>Ba</i>	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	09113157	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	DH09NH	<i>Duc</i>	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	10336132	TRẦN THỊ MỸ	TRUYỀN	CD10CS	<i>Tran</i>	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10336139	NGUYỄN TẤN	TRƯỜNG	CD10CS	<i>Tan</i>	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	10336054	LÊ NGỌC	TÚ	CD10CS	<i>Le</i>	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	10147109	NGUYỄN VĂN	TÚ	DH10QR	<i>Van</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10147103	NÔNG NGỌC	TUÂN	DH10QR	<i>Nong</i>	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	08169306	NGÔ LÊ HOÀNG	TUẤN	CD08CS	<i>Ngô</i>	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10114040	TRẦN TRỌNG	TUYỀN	DH10LN	<i>Tran</i>	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	08169314	HÀ THỊ MỸ	TUYỀN	CD08CS	<i>Ha</i>	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	09131137	TẠ THỤC	UYÊN	DH09CH	<i>Thuy</i>	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 24; Số tờ: 24

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 4 năm

Hà Thị Hải
Phạm Ngọc Kỳ

Phạm Ngọc Kỳ

Phạm Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01008

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD501

Nhóm Thi :

Nhóm 12 - Tổ 004

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10147111	HUỖNH THỊ VÂN	DH10QR		<i>az</i>	5,9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10160147	NGUYỄN QUANG VŨ	DH10TK		<i>Care</i>	9,4	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10336113	NGUYỄN THÀNH QUAN	CD10CS				0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10132030	PHẠM TUẤN	DH10SP				0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10157233	LÊ HÙNG	DH10DL		<i>az</i>	2,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	09112216	VÕ THỊ HOÀNG VY	DH09TY		<i>thuong</i>	5,8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	08142225	PHẠM NGỌC NHƯ Ý	DH08DY		<i>ngoc</i>	3,1	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10149256	PHÙNG NGỌC NHƯ Ý	DH10QM		<i>phung</i>	5,6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 24; Số tờ: 24

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Phạm Ngọc Khuê
Phạm Ngọc Khuê

Phạm Ngọc Khuê

Phạm Ngọc Khuê
Phạm Ngọc Khuê

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00980

Trang 1/2

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09149002	NGUYỄN THANH HOÀNG AN	DH09QM	1	<i>An</i>	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	10148014	VÕ THỊ BẢO	DH10DD	1	<i>B</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10117007	NGUYỄN THANH BÌNH	DH10CT	1	<i>B</i>	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	08114003	NGUYỄN HOÀI BÌNH	DH08LN	1	<i>H</i>	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	09112014	VÕ ĐÌNH CẦU	DH09TY	1	<i>Cau</i>	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10142008	PHẠM THỊ KIM CHI	DH10DY	1	<i>Kim</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10117020	TRẦN THỊ CÚC	DH10CT	1	<i>Cuc</i>	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	09336026	NGÔ ĐÌNH CƯỜNG	CD09CS	1	<i>Cuong</i>	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	09336027	LẠI XUÂN CƯỜNG	CD09CS	1	<i>Xuan</i>	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	09117024	TRẦN THỊ DIỆU	DH09CT	1	<i>Dieu</i>	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10112023	NGUYỄN TIẾN DŨNG	DH10TY	1	<i>Dung</i>	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	09149281	THẠCH HOÀN DUY	DH09QM	1	<i>Huynh</i>	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	10117031	CAO LÊ THẢO DUYÊN	DH10CT	1	<i>Thao</i>	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10116022	VŨ THỊ DUYÊN	DH10NT	1	<i>Duy</i>	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10142028	LÊ HẢI DƯƠNG	DH10DY	1	<i>Hai</i>	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10148041	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	DH10DD	1	<i>Thuy</i>	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	09336039	HUỖNH TẤN ĐẠT	CD09CS	1	<i>Tan</i>	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	09141055	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP	DH09NY	1	<i>Hong</i>	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 28; Số tờ: 28

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Phạm Xuân Thọ

Huỳnh Tấn Đạt

Nguyễn Thị Hồng Diệp

Hồ Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00980

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10117045	NGUYỄN THỊ THẢO	EM	DH10CT	1	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10125046	HOÀNG THỊ	GIANG	DH10BQ	1	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	10117047	NGUYỄN THỊ NHẬT	HÀ	DH10CT	1	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	09336050	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	CD09CS	1	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	09117048	NGUYỄN THỊ THANH	HẶNG	DH09CT	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10148068	TRẦN THỊ THÚY	HẶNG	DH10DD	1	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10147029	NGUYỄN HỮU VŨ	HIỂN	DH10QR			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	08114032	TRỊNH ĐÌNH	HIỂN	DH08LN	1	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	10160034	NGUYỄN THỊ XUÂN	HIỂU	DH10TK	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	10127054	BÙI VĂN	HÒA	DH10MT	1	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	10113050	PHAN THỊ TÂM	HÒA	DH10NH	1	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 28; Số tờ: 28

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Phan Minh Tâm

Ngô Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00981

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 -

phút

Phòng thi PV315

Nhóm Thi :

Nhóm 04 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
1	10125067	CAO THỊ HỒNG	DH10BQ	1		8,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
2	10113059	HỒ VĂN HUỖNH	DH10NH	1		5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8
3	10148104	LÊ THỊ HƯỜNG	DH10DD	1		9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
4	10148112	PHẠM THỊ KHÁNH	DH10DD	1		7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
5	10111021	PHẠM VIỆT KHÁNH	DH10CN	1		4,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8
6	10113079	NGUYỄN THỊ LIÊN	DH10NH	1		6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
7	10147047	HUỖNH ĐĂNG LIÊU	DH10QR	1		2,9	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
8	10148123	ĐÌNH THUY LINH	DH10DD	1		5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8
9	09336100	NGUYỄN THỊ NHẬT LINH	CD09CS	1		5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
10	09125078	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	DH09BQ	1		6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
11	09336116	NGUYỄN THỊ MẶN	CD09CS	1		4,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
12	10142086	NGUYỄN THỊ HUỖNH MI	DH10DY	1		8,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8
13	09131044	CAO VĂN MINH	DH09CH	1		4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8
14	10112094	QUÁCH CÔNG MINH	DH10TY	1		4,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
15	10148152	BÙI THỊ LÊ NA	DH10DD	1		7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
16	09149121	PHAN HOÀI NAM	DH09QM	1		7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
17	10117131	TẠ KIM NGÂN	DH10CT	1		4,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
18	10113097	MAI XUÂN NGỌC	DH10NH	1		7,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8

Số bài: 27; Số tờ: 27

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00981

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10147059	PHẠM THANH NGUYỄN	DH10QR	1	<i>nguyễn thanh</i>	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10125125	VÕ THỊ NHUNG	DH10BQ	1	<i>Võ Thị Nhung</i>	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	09336136	TRẦN THỊ THỤC	CD09CS	1	<i>Trần Thị Thục</i>	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	09112121	LÊ HOÀNG KHÁNH	DH09TY	1	<i>Le Hong Khanh</i>	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	07145202	NGUYỄN VĂN QUỐC	DH08BV				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10117160	HUỖNH THỊ NGỌC	DH10CT	1	<i>Huỳnh Thị Ngọc</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	08125167	NGUYỄN TRỌNG SƠN	DH08BQ	1	<i>Nguyễn Trọng Sơn</i>	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	09146056	VĂN HIẾU	DH09NK	1	<i>Văn Hiếu</i>	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	10112164	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	DH10TY	1	<i>Nguyễn Đức Thành</i>	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	10148225	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	DH10DD	1	<i>Nguyễn Phương Thảo</i>	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 27; Số tờ: 27

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Nguyễn Thị Thu Hằng
Vũ Ngọc Kỳ

[Signature]

[Signature]
Hồ Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01015

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202

Nhóm Thi : Nhóm 15 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10125011	NGUYỄN LƯU BẢO	DH10BQ	1	<i>Luân</i>	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08113004	BÙI VĂN BẮC	DH08NH	1	<i>B. Bắc</i>	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10125012	TRƯƠNG QUANG BIN	DH10BQ	1	<i>Trương</i>	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10113014	NGUYỄN VĂN CHÂN	DH10NH	1	<i>Nguyễn</i>	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10160013	HUỖNH CHI	DH10TK	1	<i>Chi</i>	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09149018	LÊ THỊ KIM CHI	DH09QM	1	<i>Chi</i>	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10125021	TRẦN ĐÌNH CHINH	DH10BQ	1	<i>Chinh</i>	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10112019	HUỖNH HOÀI DIỆM	DH10TY	1	<i>Huỳnh</i>	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10111048	NGUYỄN THỊ DIỆM	DH10CN	1	<i>Thị</i>	2.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10125028	TRẦN THỊ MỸ DIỆM	DH10BQ	1	<i>Nguyễn</i>	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10149025	NGUYỄN DU	DH10QM	1	<i>Nguyễn</i>	3.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10160017	HUỖNH PHƯƠNG DUNG	DH10TK	1	<i>Phuong</i>	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10125033	VÕ THỊ BÍCH DUNG	DH10BQ	1	<i>B. Dung</i>	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10117041	LƯƠNG THỊ ĐÌNH	DH10CT	1	<i>Đ. Đình</i>	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	08160039	TRẦN HUỖNH THANH ĐOAN	DH08TK	1	<i>Trần</i>	1.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09145025	LÊ MINH ĐỨC	DH09BV	1	<i>Đ. Đức</i>	3.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09113024	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	DH09NH	1	<i>Nguyễn</i>	0.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10112041	NGUYỄN HỒNG HẠNH	DH10TY	1	<i>H. Hạnh</i>	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28; Số tờ: 28

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 5 năm 2011

Trần Hoàng Thị Xuy
Ph. T. Thuận

Nguyễn Văn Xuy

Nguyễn Văn Xuy

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01015

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202

Nhóm Thi : Nhóm 15 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10160027	LÊ DIỄM HẠNG	DH10TK	1		5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10125202	NGUYỄN THỊ HIỀN	DH10BQ	1		5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10160035	PHAN THANH HIỆP	DH10TK	1		2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10160037	NGUYỄN HỮU HOÀNG	DH10TK	1		2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10125072	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	DH10BQ	1		6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10125077	TRẦN THỊ KHA	DH10BQ	1		7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10125078	PHAN ĐIỀN KHẢ	DH10BQ	1		4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10112074	TRẦN THỊ THANH KHIẾT	DH10TY	1		4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10160045	NGUYỄN NGỌC KHÔI	DH10TK	1		4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10113071	NGUYỄN VĂN KHUYẾN	DH10NH	1		3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10125082	VÕ VĂN KIÊN	DH10BQ	1		6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	08112127	BÙI THỊ KIỀU	DH08TY	1		5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10125083	NGÔ THỊ KIỀU	DH10BQ	1		5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10149092	TRƯƠNG HOÀNG LÂM	DH10QM	1		6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10157085	NGUYỄN THỊ CẨM LỆ	DH10DL	1		6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10157086	HUỲNH THỊ BÍCH LIÊM	DH10DL	1		4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	09126113	TRẦN PHẠM VŨ LINH	DH09SH	1		8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10148128	TRẦN THỊ THÙY LINH	DH10DD	1		5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 35; Số tờ: 35

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 5 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01015

Trang 3/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi TV202

Nhóm Thi :

Nhóm 15 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
37	08146048	VÕ CHÍ LINH	DH08NK	1		6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
38	10160052	BÙI THI LONG	DH10TK	1		3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
39	10160053	THIỀU ĐAI LỘC	DH10TK	1		4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
40	10117113	HUỖNH THỊ MỸ LY	DH10CT	1		3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
41	10125100	LÊ HOÀNG TRÚC LY	DH10BQ	1		7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
42	09125088	NGUYỄN KIỀU TRÚC LY	DH09BQ	1		4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
43	10117123	NGUYỄN THỊ THÚY NGA	DH10CT	1		4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
44	10117127	HUỖNH KIM NGÂN	DH10CT	1		4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
45	10160060	NGUYỄN KIM NGÂN	DH10TK	1		5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
46	10160070	HUỖNH THANH NHÃ	DH10TK	1		5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
47	10125115	NGUYỄN THỊ NHÂM	DH10BQ	1		7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
48	08126144	HUỖNH THỊ NHÂN	DH08SH	1		4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
49	09132051	HUỖNH YẾN NHI	DH09SP	1		4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
50	10112114	HÀ NGUYỄN CẨM NHUNG	DH10TY	1		5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
51	08146068	HOÀNG VĂN PHỐ	DH08NK	1		2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
52	10160078	HỒ THẮNG PHÚC	DH10TK	1		2.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
53	10112134	PHAN MINH PHÚC	DH10TY	1		4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
54	09125123	TRẦN MAI PHƯƠNG	DH09BQ	1		4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 38; Số tờ: 38

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 5 năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01015

Trang 4/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi TV202

Nhóm Thi :

Nhóm 15 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	08146074	NGUYỄN XUÂN QUANG	DH08NK	1		5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
56	10125139	PHẠM ĐĂNG QUANG	DH10BQ	1		4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
57	10125140	TRẦN XUÂN QUANG	DH10BQ	1		4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
58	09157146	NGUYỄN VĂN QUẢNG	DH09DL	1		6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
59	10125141	NGUYỄN THỊ NHƯ	DH10BQ	1		4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
60	10125142	TRẦN THỊ QUYÊN	DH10BQ			Vắng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
61	10112159	TRẦN NGỌC TÂN	DH10TY	1		2.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
62	10131053	NGUYỄN THỊ THA	DH10CH	1		2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
63	10156065	TRẦN THỊ THANH	DH10VT	1		4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
64	09114112	DƯƠNG VĂN THÀNH	DH09LN			Vắng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
65	09142096	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	DH09DY	1		5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
66	09148146	PHÙNG THỊ PHƯƠNG	DH09DD	1		4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
67	08126207	QUÁCH VĂN THIỆU	DH08SH	1		5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
68	10125157	LÊ CÔNG THUẬN	DH10BQ	1		2.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
69	10117208	NGUYỄN THỊ THỦY	DH10CT	1		6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
70	10112191	LÊ THỊ THỦY	DH10TY	1		6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
71	09117186	VƯƠNG VĂN TIẾN	DH09CT	1		5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
72	10125168	LÊ HOÀNG TÍN	DH10BQ	1		6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 38; Số tờ: 38

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 5 năm

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Nhóm Thi : Nhóm 15 - Tổ 001

Số bài: 78; Số tờ: 78

Ngày 3 tháng 5 năm

Mr Hoang T. Nieu
Full P. T. Nguyen

100-100000

Mr. Bui Duc Nghi

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01009

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD502

Nhóm Thi : Nhóm 13 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10125007	NGUYỄN MỸ	ÁI	DH10BQ		8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	10145001	BÙI QUANG	AN	DH10BV		4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10127196	NGUYỄN KHẮC	AN	DH10MT		7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	09160006	NGUYỄN NGỌC	ANH	DH09TK		7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10160008	PHAN CÔNG	ANH	DH10TK		8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10149008	THẬP TUẤN	ANH	DH10QM		7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	09117006	DƯƠNG BÙI LINH	ÂN	DH09CT		7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	10145010	ĐÌNH DƯƠNG	ÂN	DH10BV		5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10113008	NGUYỄN HOÀI	BẢO	DH10NH		7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	09149010	VI VĂN	BẢO	DH09QM		5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10112010	NGUYỄN NGỌC	BI	DH10TY		8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	10336003	NGUYỄN CÔNG	CẨM	CD10CS		4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	10145022	TRẦN QUỐC	CƯỜNG	DH10BV		5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	09160020	ĐỖ VŨ DUNG	DINH	DH09TK		6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10126232	ĐẶNG TIẾN	DŨNG	DH10SH		4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10126019	BÙI KHƯƠNG	DUY	DH10SH		5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	08132013	VÕ THANH	DUY	DH08SP		6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	10148044	NGUYỄN THỊ LAN	ĐÀI	DH10DD		6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 01; Số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01009

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD502

Nhóm Thi :

Nhóm 13 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10147018	BÙI QUỐC	ĐẠT	DH10QR			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10112258	HOÀNG NGHIÊM BÁ	ĐẠT	DH10CN	<i>Đạt</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8
21	10161019	BÙI HẢI	ĐĂNG	DH10TA	<i>Hải Đăng</i>	5,8	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ●
22	10126034	LÊ HOÀNG	ĐỘ	DH10SH	<i>Hoàng Độ</i>	5,3	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8
23	10117042	MAI NGỌC	ĐỨC	DH10CT	<i>Mai Đức</i>	6,2	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8
24	09160032	ĐÀO QUỲNH	GIAO	DH09TK	<i>Quỳnh</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10125048	ĐOÀN THỊ	HÀ	DH10BQ	<i>Thị Hà</i>	5,9	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	09157046	LÊ THỊ KIM GIANG	HÀ	DH09DL	<i>Kim Giang</i>	6,4	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8
27	10127035	HỒ GIANG	HẢI	DH10MT	<i>Hồ Giang</i>	6,4	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8
28	10145185	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	DH10BV	<i>Thị Mỹ</i>	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8
29	09141127	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	HẠNH	DH09NY	<i>Thị Tường</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8
30	09160040	DƯƠNG THỊ NGỌC	HÂN	DH09TK	<i>Thị Ngọc</i>	4,7	V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 02; Số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1&2

Đoàn Thị Ngọc Hân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đoàn Thị Ngọc Hân

Cán bộ chấm thi 1&2

Đoàn Thị Ngọc Hân

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

Đoàn Thị Ngọc Hân

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 004 -

Số bài: 24; Số tờ: 34 (TN)

Ngày 25 tháng 4 năm

Mr. Ruth Nai
Nhakan Nhāt Lōs

Đặng Văn Quý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00971

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD204

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 004

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10145132	NÔNG THỊ THOẠI	DH10BV		<i>Thoại</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	09161156	NGUYỄN VĂN THÔNG	DH09TA		<i>Thông</i>	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	10131057	TẠ DUY THÔNG	DH10CH		<i>Thông</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	10149190	ĐÌNH THỊ CẨM THU	DH10QM		<i>Thu</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	10145133	NGUYỄN HỒNG THUẬN	DH10BV		<i>Thuận</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10157184	TĂNG NGỌC THUẬN	DH10DL		<i>Th</i>	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10127151	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY	DH10MT		<i>Th</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	10145137	LÊ THU THÙY	DH10BV				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	10127149	TRẦN THỊ THU THÙY	DH10MT		<i>Thùy</i>	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	10127150	VŨ THỊ THÙY	DH10MT		<i>Th</i>	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	10145136	TRẦN THỊ THÚY	DH10BV		<i>Thúy</i>	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10145143	NGUYỄN TĂNG THỪA	DH10BV		<i>Th</i>	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	10145141	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	DH10BV		<i>Th</i>	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
32	10145144	PHẠM QUỐC THY	DH10BV		<i>Thy</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 3; Số tờ: 34

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Văn Tấn
Nguyễn Văn Tấn

Nguyễn Văn Tấn
Nguyễn Văn Tấn

Nguyễn Văn Tấn
Nguyễn Văn Tấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00972

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD205

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 005

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10160154	HUỖNH ANH	TIẾN	DH10TK		6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	10126182	TRẦN VĂN	TIẾN	DH10SH		6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10145152	DƯƠNG THỊ THU	TRANG	DH10BV		5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	08117211	HỒ THỊ THÙY	TRANG	DH08CT		3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10145153	LƯU TỬ ĐOÀN	TRANG	DH10BV		6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10145154	NGUYỄN THỊ	TRANG	DH10BV		5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10145155	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH10BV		8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	09131130	TRẦN THỊ THIÊN	TRANG	DH09CH		5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10145157	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	DH10BV		7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	09116170	TRẦN THÙY	TRANG	DH09NT		5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10157210	BÙI THỊ BẢO	TRÂM	DH10DL		6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	10157211	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	DH10DL		5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	10145161	NGUYỄN MINH	TRÍ	DH10BV		5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10131064	PHẠM MINH	TRÍ	DH10CH		5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10127173	TRẦN QUỐC	TRỌNG	DH10MT		5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10145165	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	DH10BV		6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10111040	LÊ NAM	TRUNG	DH10CN		4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	09145121	NGUYỄN BẢO	TRUNG	DH09BV		4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 04 năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00972

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi HD205

Nhóm Thi :

Nhóm 01 - Tổ 005

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
19	10145166	NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG	DH10BV			V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10156086	THI VĂN TUẤN	DH10VT		Thi Văn Tuấn	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8
21	10145169	TÔ THANH	DH10BV		Tô Thanh	5,8	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ●
22	10125180	TRẦN NGỌC TUẤN	DH10BQ			V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	09145129	TRIỆU VĂN	DH09BV		Triệu Văn	5,0	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10113191	VŨ VĂN	DH10NH		Vũ Văn	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8
25	10145175	NGUYỄN KHÁI	DH10BV		Nguyễn Khải	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8
26	10145176	ĐÌNH THỊ	DH10BV		Đình Thị	5,8	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ●
27	10117250	NGUYỄN THỊ BÉ	DH10CT		Nguyễn Thị Bé	6,1	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8
28	10112235	VÕ THÚY	DH10TY		Võ Thúy	4,3	V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8
29	10132038	NGUYỄN THỊ BÍCH	DH10SP		Nguyễn Thị Bích	6,5	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8
30	08169332	TRƯƠNG QUANG	CD08CS		Trương Quang	5,0	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8
31	08161257	NGUYỄN NGỌC	DH08TA		Nguyễn Ngọc	1,4	V 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8
32	10145183	ĐÌNH THỊ	DH10BV		Đình Thị	6,4	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8
33	09131143	HOÀNG HẢI	DH09CH		Hoàng Hải	2,4	V 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 04 năm 2011

Trần Nhật Long

Trần Văn Tuấn

Đình Văn Quý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00968

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10145007	NGUYỄN PHAN NGỌC ANH	DH10BV		<i>ngocanh</i>	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	10145008	NGUYỄN THỊ MAI ANH	DH10BV		<i>mai anh</i>	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10111003	TRƯƠNG NGỌC ANH	DH10CN		<i>anh</i>	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	08147008	NGUYỄN QUỐC BẢO	DH08QR		<i>baop</i>	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10113011	TRẦN ĐỨC BÌNH	DH10NH		<i>binh</i>	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10145013	DƯƠNG VĂN CAO	DH10BV		<i>cao</i>	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10145014	VÕ ĐĂNG BÍCH CHÂU	DH10BV		<i>bich</i>	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	10145015	HOÀNG THỊ TRÚC CHI	DH10BV		<i>truc</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10145016	NGUYỄN THỊ BÍCH CHI	DH10BV		<i>chi</i>	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	09131086	TRẦN THỊ KIM CHI	DH09CH		<i>kim</i>	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10145017	TRẦN THỊ MỸ CHI	DH10BV		<i>my</i>	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	09131010	TRẦN VĂN CHIẾN	DH09CH		<i>chien</i>	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	10111006	NGUYỄN CHÍ CÔNG	DH10CN		<i>cong</i>	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10132028	ĐINH THỊ CÚC	DH10SP		<i>cuc</i>	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10145020	LÊ ĐỨC CƯỜNG	DH10BV		<i>cuong</i>	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10145021	LÊ TẤN CƯỜNG	DH10BV		<i>cuong</i>	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10117024	HUỖNH CHÂU NGỌC DIỆM	DH10CT		<i>diem</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	09145016	LÊ ĐĂNG TRÍ DIỄN	DH09BV		<i>tridiem</i>	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 32; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

Vũ N. P. Trần
Minh Lê

Trưởng Bộ môn
Trần Văn Quý

Trần Văn Quý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00968

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09116018	CHU VĂN DU	DH09NT			6,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
20	08126027	NGUYỄN THÙY DUNG	DH08SH			7,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
21	10145028	HỒ THỊ MỸ DUYÊN	DH10BV			5,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
22	10145029	DƯƠNG THỊ THÙY DƯƠNG	DH10BV			6,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
23	09157031	PHAN VĂN DƯƠNG	DH09DL				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
24	10145032	ĐỖ TIẾN ĐẠT	DH10BV			6,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
25	10145033	VŨ QUỐC ĐẠT	DH10BV				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
26	09336042	TRẦN VĂN ĐẬU	CD09CS			4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
27	10157041	TRƯƠNG ĐOÀN ĐÌNH	DH10DL				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
28	10111046	NGUYỄN VĂN HUẤN ĐỨC	DH10CN			6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
29	08160045	ĐẶNG THU HÀ	DH08TK			5,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
30	10145037	NGUYỄN THANH HÀ	DH10BV			5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
31	10145039	NGUYỄN THANH HẢI	DH10BV			5,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
32	10145041	ĐẶNG THỊ HẠNH	DH10BV			7,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
33	10145043	HÀ HỒNG HÂN	DH10BV			6,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
34	10145044	BACH VĂN HIỀN	DH10BV			6,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
35	10131017	ĐỖ THỊ LỆ HIỀN	DH10CH			5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8

Số bài: 32; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00970

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD203

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10145082	NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN	DH10BV			6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10145086	BÙI DUY LUYỆN	DH10BV			6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10126081	TỔNG TRẦN THẢO LY	DH10SH			6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10117114	NGUYỄN THỊ MAI	DH10CT			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10157112	TUÔNG THỰC MỸ	DH10DL				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	08114057	TRỊNH PHƯƠNG NAM	DH08LN			4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09116099	NGUYỄN THỊ NGÀ	DH09NT			5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	08160109	NGUYỄN THỊ HẠNG	DH08TK			6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10148155	NGUYỄN THỊ THÚY	DH10DD			5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10145092	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	DH10BV			4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10149122	TRẦN THỊ KIM NGÂN	DH10QM			7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09149125	NGUYỄN BÍCH NGỌC	DH09QM			5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10145098	TRẦN VĂN NGUYỄN	DH10BV			5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10145099	CAO THANH NHÃ	DH10BV			5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10125114	LÊ ĐỨC NHÃ	DH10BQ			5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10145100	LÊ HOÀNG NHI	DH10BV			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10125120	TRẦN VĂN NHIỀU	DH10BQ			3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10117146	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	DH10CT			5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 33; Số tờ: 1

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 04 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00970

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD203

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09160098	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	DH09TK			6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10142114	LÊ NGỌC	DH10DY			5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	10157141	DƯƠNG THỊ KIM OANH	DH10DL			5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	08117142	HỒ NGỌC	DH08CT			3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	09116114	NGUYỄN MINH PHI	DH09NT			4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10145106	PHẠM HUỲNH PHÚ	DH10BV			4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10142116	VŨ TỶ	DH10DY			2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	10145109	VÕ HỮU PHÚC	DH10BV			3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	10125134	NGUYỄN THỊ TRÚC PHƯƠNG	DH10BQ			6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	10157152	PHẠM UYÊN PHƯƠNG	DH10DL			4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	10145112	LÊ THỊ KIM PHƯƠNG	DH10BV			7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10145114	NGUYỄN HOÀNG QUEN	DH10BV			6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	10145116	LÂM CÔNG QUÍ	DH10BV			5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
32	10111058	NGUYỄN VŨ HOÀNG QUY	DH10CN			5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
33	10145117	TRẦN HẠNH QUYÊN	DH10BV			5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
34	10149288	BÁ THỊ MÂY SA	DH10QM			5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
35	08114074	ĐẶNG XUÂN SANG	DH08LN			5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 33 Số tờ: 11

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thị Nguyệt
Đỗ Nguyễn Bảo Kỳ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Văn Quý

Ngày 25 tháng 04 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00985

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi PV333

Nhóm Thi :

Nhóm 05 - Tổ 003 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08161177	NGUYỄN TRUNG THÀNH	DH08TA			1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	09145104	NGUYỄN PHÚ THẠNH	DH09BV			5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10161116	NGUYỄN VĂN THIÊN	DH10TA			5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	10112182	PHẠM ĐỨC THỊNH	DH10TY			2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10142167	LÊ THỊ THANH THÚY	DH10DY			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10142164	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THÚY	DH10DY			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10127153	LÊ THỊ MAI THƯ	DH10MT			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	09149283	BÁ THỊ SA TI	DH09QM			4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10142174	TRẦN MINH TIẾN	DH10DY			7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	10142179	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	DH10DY			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10112204	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	DH10TY			3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	10142182	MAN THỊ NGỌC TRÂM	DH10DY			8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	09160144	TRƯƠNG DƯ NGỌC TRÂN	DH09TK			4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10112211	TRẦN QUỐC TRÍ	DH10TY			5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10161136	NGUYỄN THỊ TRIỀU	DH10TA			6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10142184	ĐÀO THU TRINH	DH10DY			5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	09127177	TRƯƠNG THỊ THÙY TRINH	DH09MT			4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	08126257	ĐỖ QUỐC TRƯỜNG	DH08SH			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 33; Số tờ: 33

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00985

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi PV333

Nhóm Thi :

Nhóm 05 - Tổ 003

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10117243	NGUYỄN HỮU TÚ	DH10CT			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10161145	ÔNG THANH TÚ	DH10TA			5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	09160155	LƯU MINH TUẤN	DH09TK			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	08126265	NGUYỄN XUÂN TUẤN	DH08SH			6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	08126273	LƯƠNG XUÂN TÙNG	DH08SH			2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	08126270	NGUYỄN HỮU TUYẾN	DH08SH			7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10131075	TRẦN LÊ ĐỨC TƯỜNG	DH10CH			4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	09141122	TRƯƠNG THỊ MỸ ÚT	DH09NY			5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	10131078	NGÔ THỊ VÂN	DH10CH			4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	10113195	TRẦN THỊ HẢI VÂN	DH10NH			6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	09131141	TRẦN THỊ PHƯƠNG VI	DH09CH			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10112241	ĐẶNG ANH VŨ	DH10TY			5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	10142206	TRẦN THỊ LỆ XUÂN	DH10DY			7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
32	10142208	NGUYỄN THỊ KIM XUYẾN	DH10DY			7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
33	10148320	PHÙNG THỊ NGỌC YẾN	DH10DD			4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 33; Số tờ: 33

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01010

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD503

Nhóm Thi :

Nhóm 13 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10125053	TRẦN THỊ NGỌC	HÀN	DH10BQ		6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	09141061	ĐOÀN THỊ THU	HIỀN	DH09NY		6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10125001	NGUYỄN THỊ	HIỀN	DH10BQ		6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	10117053	TRẦN THỊ THU	HIỀN	DH10CT		5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10127047	HỨA SƠN	HIỀN	DH10MT		5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	08112082	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH08TY		4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10111013	NGUYỄN VĂN	HIẾU	DH10CN		4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	09160046	HUỖNH THỊ	HÒA	DH09TK		5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10161039	NGUYỄN NGỌC	HÒA	DH10TA		5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	10112290	PHAN THỊ	HÒA	DH10CN		5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10126051	PHAN THỊ	HÒA	DH10SH		6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	10116046	PHẠM THẾ	HOÀN	DH10NT		6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	10149070	LÊ THỊ	HỘI	DH10QM		5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10336059	KIỀU VĂN	HỘI	CD10CS		4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	09113044	LÒ NGUYỄN QUỐC	HUY	DH09NH		6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10112064	NGUYỄN VĂN	HUY	DH10TY		6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10111052	PHẠM KHÁNH	HUY	DH10CN		5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	09160052	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	DH09TK		7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 36; Số tờ: 36

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01010

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD503

Nhóm Thi : Nhóm 13 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
19	08161071	VŨ THỊ	HUYỀN	DH08TA		6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10336008	HOÀNG HÒA	HƯNG	CD10CS		4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	09149091	LÊ TRỌNG	HƯỜNG	DH09QM		5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	10126230	DANH	HƯỜNG	DH10SH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	10160041	ĐÌNH BÁ	HỮU	DH10TK		6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	09113056	HOÀNG ĐỨC	KHANH	DH09NH		6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10117083	NGUYỄN THANH	KHANH	DH10CT		5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	10112075	NGUYỄN VĂN	KHOA	DH10TY		5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	10112076	NGUYỄN VIỆT	KHOA	DH10TY		5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	10336151	PHAN HỒNG	KHOA	CD10CS		4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	10148116	HÀ THANH	LAN	DH10DD		5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10145072	NGUYỄN THỊ TUYẾT	LAN	DH10BV		6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	10117094	TRẦN THỊ MỘNG	LÀNH	DH10CT		7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
32	10126060	NGUYỄN XUÂN	LÂM	DH10SH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
33	09145054	TRƯƠNG QUỐC	LÂM	DH09BV		2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
34	08127062	NGUYỄN VIỆT	LÊN	DH08MT		6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
35	10149095	NGUYỄN THỊ	LIÊN	DH10QM		4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
36	10148122	THÂN THỊ HƯƠNG	LIÊU	DH10DD		5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 36; Số tờ: 36

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Nhóm Thi : Nhóm 13 - Tổ 002 -

Ngày 24 tháng 5 năm

Ngày 10/10/2018

Number of hauls	<i>P. setiferus</i> (%)	<i>P. setiferus</i> + <i>P. setiferus</i> + <i>P. setiferus</i> (%)
1	100	0
2	80	20
3	60	40
4	40	60
5	20	80
6	10	90
7	10	90
8	10	90
9	10	90
10	10	90

Đặng Văn Quý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01011

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD504

Nhóm Thi :

Nhóm 13 - Tổ 003 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09336104	HỒ QUỐC LONG	CD09CS	1	<i>Quốc Long</i>	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	10161068	ĐỖ HOÀI LƯƠNG	DH10TA				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10126080	NGUYỄN THỊ HẰNG	DH10SH	1	<i>Hàng</i>	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	09113215	HUỲNH THỊ KIM	DH09NH	1	<i>Huỳnh Thị Kim</i>	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10126083	PHẠM THỊ MAI	DH10SH	1	<i>Phạm Thị Mai</i>	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10131031	DƯƠNG HIỂN MAY	DH10CH	1	<i>Đương Hiên</i>	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10157109	ĐẶNG CÔNG MINH	DH10DL				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	10127088	LÊ PHƯỚC MINH	DH10MT	1	<i>Le Phuong Minh</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10117120	NGUYỄN THỊ MINH MUỘI	DH10CT	1	<i>Nguyen Thi Minh Muoi</i>	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	10111027	TRƯƠNG VĂN MỸ	DH10CN	1	<i>Truong Van My</i>	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	09149118	LÊ HOÀNG NAM	DH09QM	1	<i>Le Hong Nam</i>	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	10149115	NGUYỄN TIẾN NAM	DH10QM	1	<i>Nguyen Tien Nam</i>	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	09131111	NGUYỄN KIM NGÂN	DH09CH	1	<i>Nguyen Kim Ngan</i>	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10131036	TRƯƠNG KIM NGÂN	DH10CH	1	<i>Truong Kim Ngan</i>	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10142097	TRẦN LÊ VŨ	DH10DY	1	<i>Tran Le Vu</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10113095	HUỲNH NGỌC NGHĨA	DH10NH	1	<i>Huynh Ngoc Nghia</i>	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10149124	HUỲNH THẾ NGỌC	DH10QM	1	<i>Huynh The Ngoc</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	10126097	NGUYỄN XUÂN NGỌC	DH10SH	1	<i>Nguyen Xuan Ngoc</i>	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 36; Số tờ: 36

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Văn Hùng

Duyệt của Trường Bộ môn

Trần Văn Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Văn Hùng

Ngày 24 tháng 05 năm

Trần Văn Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01011

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD504

Nhóm Thi :

Nhóm 13 - Tổ 003 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10125111	NGUYỄN THỊ NGỌT	DH10BQ	1	<i>Nguyễn</i>	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10149128	NGUYỄN CHÁNH	DH10QM	1	<i>Nguyễn</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	10127098	TRẦN PHÚC	DH10MT	1	<i>Trần</i>	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	10116087	TRẦN HOÀI	DH10NT	1	<i>Trần</i>	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	10336131	TRẦN MỘNG	CD10CS	1	<i>Trần</i>	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10161079	NGUYỄN HOÀNG	DH10TA	1	<i>Nguyễn</i>	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10141043	HỒ HỒNG	DH10NY	1	<i>Hồ</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	10112116	VÕ NGUYỄN NGUYỄN	DH10TY	1	<i>Võ</i>	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	10126114	TRƯƠNG THỊ TRANG	DH10SH	1	<i>Trương</i>	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	10112126	CHÂU XUÂN	DH10TY	1	<i>Châu</i>	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	10127104	HUỖNH NGỌC	DH10MT	1	<i>Huỳnh</i>	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10116094	LÊ HỒNG	DH10NT	1	<i>Lê</i>	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	10161084	THÁI HUY	DH10TA	1	<i>Thái</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
32	10116096	NGUYỄN VĂN	DH10NT	1	<i>Nguyễn</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
33	09113102	LÊ HUỖNH HỒNG	DH09NH	1	<i>Lê</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
34	10112140	PHẠM HỮU	DH10TY	1	<i>Phạm</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
35	10126125	NGUYỄN HOÀNG	DH10SH	1	<i>Nguyễn</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
36	10161089	PHAN THỊ HỒNG	DH10TA	1	<i>Phan</i>	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 36; Số tờ: 36

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

Phan Thị Hồng
Phan Thị Hồng

Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Văn Hùng

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Nhóm Thi : Nhóm 13 - Tổ 003 -

Đặng Văn Quý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00969

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi HD202

Nhóm Thi :

Nhóm 01 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10145046	HOÀNG THỊ HIỀN	DH10BV	1		4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	10147033	NGUYỄN THỊ ÁNH	DH10QR	1		2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10145048	ĐÌNH QUANG	DH10BV	1		7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	10147031	NGUYỄN ĐỨC	DH10QR	1		4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10145050	LỮ MINH	DH10BV	1		6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	09117058	NGUYỄN THỊ QUỲNH	DH09CT	1		7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10145051	NGUYỄN THỊ THANH	DH10BV	1		7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	10145052	TRẦN THỊ	DH10BV	1		4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10113053	LÊ TIẾN	DH10NH	1		4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	09145039	TẠ THỊ ÁNH	DH09BV	1		4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10145189	THỊ	DH10BV	1		5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	09112053	HÀ DIỆU	DH09TY	1		5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	09336073	LÊ ĐÌNH	CD09CS	1		4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10145055	NGUYỄN PHÁT	DH10BV	1		6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10145058	NGÔ THỊ NGỌC	DH10BV	1		4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10145059	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH10BV	1		6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10117078	PHAN THỊ	DH10CT				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	10125076	LOMU	DH10BQ	1		4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 33; Số tờ: 33

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00969

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi HD202

Nhóm Thi :

Nhóm 01 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09147046	LÝ TRẦN KHA	DH09QR	1		3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10147041	LÊ TRƯƠNG QUANG KHÀI	DH10QR	1		2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	10145066	HUỖNH HỒNG KHÁNH	DH10BV	1		7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	10127067	LỘC HOÀNG KHÔI	DH10MT	1		5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	10149085	QUÁCH TRỌNG KHÔI	DH10QM				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	08114042	TRẦN QUỐC KIÊN	DH08LN	1		6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10145070	TỔNG MINH KỲ	DH10BV	1		4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	10145073	VÕ THÁI LY LAN	DH10BV	1		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	10127074	TRẦN VŨ LÂM	DH10MT	1		6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	10127075	TRƯƠNG VĂN LÂM	DH10MT	1		3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	10116064	TRƯƠNG MINH LÂU	DH10NT	1		3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10157084	NGUYỄN THỊ LÉN	DH10DL	1		3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	08160086	TRẦN THỊ ĐĂNG LÊ	DH08TK	1		4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
32	09157096	ĐOÀN THỊ THỦY LIÊN	DH09DL	1		6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
33	10116066	TRỊNH THỊ LIỄU	DH10NT	1		5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
34	10145079	NGUYỄN ĐÌNH LINH	DH10BV	1		5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
35	10142077	TRƯƠNG HOÀNG MỸ LINH	DH10DY	1		2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 33; Số tờ: 33

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00983

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
1	10113003	VÕ HOÀNG ANH	DH10NH			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	10142213	TRƯƠNG HOÀNG ÁNH	DH10DY			7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10113004	NGUYỄN NGỌC THIÊN	DH10NH			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	08113002	VÕ LÂM NGỌC	DH08NH			5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10131005	TRẦN GIA BẢO	DH10CH			3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10148016	HÀ YẾN BÌNH	DH10DD			6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10145012	VŨ THÁI BÌNH	DH10BV			6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	09113210	LÝ KIM BUỔI	DH09NH			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	09113005	TRỊNH MINH CHÁNH	DH09NH			4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	08112028	LÊ KIM CHUNG	DH08TY			4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	09145013	NGUYỄN T HỒNG HON	DH09BV			4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	09145014	NGUYỄN THỊ DÀNG	DH09BV			5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	09132031	TRẦN PHÚ DANH	DH09SP			3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10142015	NGUYỄN THY DIỄM	DH10DY			5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10113021	KHƯƠNG VĂN DUẤN	DH10NH			4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	10125032	NGUYỄN THỊ DUNG	DH10BQ			7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	09111009	DIỆP BẢO DƯƠNG	DH09CN				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	08146019	ĐỖ QUANG ĐẠI	CD09CS			1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 44.....; Số tờ: 44.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00983

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09111013	NGUYỄN VĂN ĐẠT	DH09CN		<i>Đạt</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10161018	PHẠM VĂN ĐẠT	DH10TA		<i>Đạt</i>	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	10336124	LÊ THỊ ĐO	CD10CS		<i>Đo</i>	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	10161022	TRẦN MINH ĐỨC	DH10TA		<i>Đức</i>	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	09161033	PHAN KHẮC GIANG	DH09TA		<i>Giăng</i>	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10145038	NGUYỄN THỊ THU HÀ	DH10BV		<i>Thu Hà</i>	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10142219	THỊ MỸ HẠNH	DH10DY		<i>Hạnh</i>	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	08160047	NGUYỄN THỊ THU HẢO	DH08TK		<i>Huỳnh</i>	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	09126054	TRƯƠNG THỊ DIỄM HẰNG	DH09SH		<i>Hàng</i>	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	10127042	LÊ PHƯỚC HẬU	DH10MT		<i>Hậu</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	10156021	LÊ VĂN HIỀN	DH10VT		<i>Hiền</i>	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10145047	PHẠM THỊ DIỄM HIỀN	DH10BV		<i>Hiền</i>	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	10161002	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH10TA		<i>Hiếu</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
32	10142044	BÙI THỊ QUỲNH HOA	DH10DY		<i>Hoa</i>	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
33	10142045	NGUYỄN THỊ HOA	DH10DY		<i>Hoa</i>	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
34	10116048	THÂN TRỌNG HÒA	DH10NT		<i>Hòa</i>	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
35	10142046	CAO THỊ HOÀI	DH10DY		<i>Hoài</i>	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
36	10160036	HUỲNH CÔNG HOÀNG	DH10TK		<i>Huỳnh</i>	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 44; Số tờ: 44

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm

Trần Văn Đạt
Đạt

Trần Văn Đạt
Đạt

Đặng Văn Quý
Quý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00983

Trang 3/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
37	10161042	TRẦN QUỐC HOÀNG	DH10TA			5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
38	08112099	LÝ MINH	DH08TY			6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
39	08112102	PHẠM ANH	DH08TY			5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
40	08161069	TRẦN ĐÌNH	DH08TA			3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
41	10142055	HUỖNH THỊ NGỌC	DH10DY			6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
42	10145061	LÊ DIỄM	DH10BV			5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
43	10131024	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH10CH			4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
44	10149081	TRẦN NGUYỄN DUY	DH10QM			2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
45	10161056	PHẠM QUANG	DH10TA			5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 44; Số tờ: 44

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00984

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi PV325

Nhóm Thi :

Nhóm 05 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
1	08161099	NGUYỄN HÀM KỶ	DH08TA	1	Kỷ	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	08160082	LÊ THỊ THANH LAN	DH08TK	1	Thanh	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	08112130	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	DH08TY	1	Ngọc Lan	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	09149099	ĐỖ LÂM ĐĂNG LÀNH	DH09QM		Lành	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10142076	TRẦN THỊ KIM LIÊN	DH10DY	1	Liên	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	10131028	TRẦN VŨ LINH	DH10CH	1	Linh	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10148133	NGUYỄN KIM LOAN	DH10DD	1	Loan	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	08131091	VŨ THỊ THANH LOAN	DH08CH	1	Thanh	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10131029	NGUYỄN HOÀNG LONG	DH10CH	1	Long	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	09149107	NGUYỄN THỊ LONG	DH09QM	1	Long	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	09113067	NGUYỄN QUANG LỘC	DH09NH	1	Quang	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	10113082	ĐẶNG NGỌC LỢI	DH10NH				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	10157106	PHÍ HƯƠNG MAI	DH10DL	1	Mai	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	09131109	NGUYỄN THỊ MỸ	DH09CH	1	Mỹ	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10157116	NGUYỄN THỊ THANH NGA	DH10DL	1	Thanh Nga	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	08126133	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	DH08SH	1	Ngân	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10117129	NGUYỄN THỊ LỆ NGÂN	DH10CT	1	Lệ Ngân	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	08111024	VŨ TRỌNG NGHĨA	DH08CN	1	Trọng	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 43; Số tờ: 43

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm

(Signature)

(Signature)

(Signature)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00984

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV325

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10125113	HOÀNG THỊ NGUYỆT	DH10BQ	1	<i>Thị Nguyệt</i>	5,6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
20	10142103	NGUYỄN NGỌC LINH	DH10DY	1	<i>Lin</i>	8,3	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
21	10116090	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	DH10NT	1	<i>Nhật</i>	4,7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	09149135	ĐẶNG NGỌC HOÀI	DH09QM	1	<i>Hoài</i>	5,1	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	08126301	HOÀNG MỘNG THÚY	DH08SH	1	<i>Thúy</i>	5,1	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	10125117	NGÔ TIÊU	DH10BQ	✓		✓	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	10142110	TỪ NHƯ	DH10DY	1	<i>Như</i>	8,1	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	10125122	LÊ NGỌC HOÀNG	DH10BQ	1	<i>Hoàng</i>	7,6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	10113087	NGUYỄN VĂN NINH	DH10NH	1	<i>Ninh</i>	6,4	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	09113217	SƠN SÀ	DH09NH	1	<i>Sơn</i>	6,2	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	10157145	ĐỖ PHI	DH10DL	1	<i>Phi</i>	5,1	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	10157148	LÝ HOÀNG	DH10DL	1	<i>Hoàng</i>	4,9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	10113118	LƯƠNG TẤN	DH10NH	1	<i>Tấn</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
32	10117158	NGUYỄN THANH	DH10CT	1	<i>Thanh</i>	5,7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
33	10117159	NGUYỄN THỊ BÍCH	DH10CT	1	<i>Bích</i>	4,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
34	10336149	NGUYỄN VĂN	CD10CS	1	<i>Văn</i>	3,7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
35	10142122	HUỖNH THỊ HỒNG	DH10DY	1	<i>Hồng</i>	7,4	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
36	08169211	PHẠM ĐỨC	CD08CS	1	<i>Đức</i>	6,7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 43; Số tờ: 43

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

Phạm Đức

Phạm Đức

Phạm Văn Đức

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00984

Trang 3/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV325

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10131051	HÀ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	DH10CH	1	5,2	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
38	10142127	HỒ THỊ	SANG	DH10DY	1	9,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
39	09113110	PHẠM	SANG	DH09NH	1	5,2	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
40	10142130	NGUYỄN NHƯ	SƠN	DH10DY	1	6,1	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
41	10161102	NGÔ ĐẮC	TÀI	DH10TA	1	5,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
42	10114032	NGUYỄN TẤN	TÀI	DH10LN	1	6,2	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
43	09336167	HỒ VĂN	TÂN	CD09CS	1	4,1	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
44	10127132	NGUYỄN THỊ ĐAN	THANH	DH10MT	1	7,3	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
45	10142143	DƯƠNG MẬU	THÀNH	DH10DY	1	7,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 43, Số tờ: 43

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm

(Signature)

(Signature)

(Signature)

(Signature)

NGUYỄN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01012

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101

Nhóm Thi : Nhóm 13 - Tổ 004 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10145111	LÂM THU PHƯƠNG	DH10BV		<i>Thu P</i>	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
2	09117143	LÊ THỊ MINH PHƯƠNG	DH09CT		<i>Minh P</i>	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
3	10131048	ĐỖ KHẮC THANH QUANG	DH10CH		<i>Thanh Q</i>	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
4	10112144	NGUYỄN THANH QUANG	DH10TY		<i>Thanh Q</i>	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
5	10126132	NGUYỄN HỒNG QUÂN	DH10SH		<i>Hồng Q</i>	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	09142085	ĐOÀN NGỌC PHẠM KIM QUI	DH09DY		<i>Kim Q</i>	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
7	10149157	NGUYỄN NGỌC LÊ TỐ QUYÊN	DH10QM				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
8	10117161	BÙI NHƯ QUỲNH	DH10CT		<i>Như Q</i>	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
9	10126136	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	DH10SH		<i>Như Q</i>	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
10	08127118	NGUYỄN MẠNH QUỲNH	DH08MT				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
11	10117167	DIỆP LONG SƠN	DH10CT		<i>Diệp S</i>	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
12	09160116	LÊ QUỐC SỬ	DH09TK		<i>Quốc S</i>	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
13	10126146	PHẠM VĂN TÀI	DH10SH		<i>Văn T</i>	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
14	10161107	TRẦN VĂN TÂM	DH10TA		<i>Văn T</i>	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
15	10147117	ĐIỀU TÈO	DH10QR		<i>Điều T</i>	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
16	08147184	NGUYỄN ĐẠI THẠCH	DH08QR		<i>Đại T</i>	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
17	10125147	NGUYỄN THỊ XUÂN THANH	DH10BQ		<i>Xuân T</i>	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
18	10156066	TRẦN MỸ CÔNG THÀNH	DH10VT		<i>Mỹ C</i>	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 01; Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 5 năm 2011

Nguyễn Thanh Ngân
Trần Văn Thành

Trưởng Bộ môn

Đặng Văn Quý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01012

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 -

phút

Phòng thi TV101

Nhóm Thi :

Nhóm 13 - Tổ 004 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
19	09113123	BÙI VÕ THỊ HƯƠNG	THẨM	DH09NH		5,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20	10126233	TRIỆU QUYẾT	THẮNG	DH10SH		4,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21	10161115	HÀ HUY	THÂN	DH10TA		4,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22	10112174	HÀ TRƯƠNG DIỆM	THỊ	DH10TY		6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23	10112178	ĐỖ HỮU HƯƠNG	THỊNH	DH10TY		2,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24	10112179	LÂM ĐÌNH TRƯỜNG	THỊNH	DH10TY		5,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25	10127141	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	DH10MT		5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26	10126169	DƯƠNG NGỌC	THỌ	DH10SH		6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27	10160105	NGUYỄN TRƯỜNG	THỌ	DH10TK		5,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28	10161119	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THÔNG	DH10TA		1,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29	10117200	NGUYỄN KIỀU	THU	DH10CT		5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30	08112263	VŨ THỊ KHÁNH	THU	DH08TY		5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31	10336102	TRẦN THỊ	THUẬN	CD10CS		5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32	10112190	LÊ THỊ THU	THÙY	DH10TY		5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
33	10112192	ĐOÀN ANH	THƯ	DH10TY		7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
34	10126178	HOÀNG THỊ	THƯ	DH10SH			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
35	10161124	NÔNG NGUYỄN	THỨC	DH10TA		5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
36	09131073	NGUYỄN THỊ BÍCH	TIỀN	DH09CH		5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 6; Số tờ: 2

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01012

Trang 3/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 25/04/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101

Nhóm Thi : Nhóm 13 - Tổ 004 -

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
37	09113150	ĐẶNG TRUNG TIẾN	DH09NH		<i>Phien</i>	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
38	10160113	HUỖNH ANH	DH10TK				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
39	10117216	NGUYỄN THỊ KIM	DH10CT		<i>Kim</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
40	09147110	LÊ CÔNG	DH09QR		<i>Long</i>	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
41	08112286	BÙI THỊ THÙY	DH08TY		<i>Thuy</i>	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
42	10125170	NGUYỄN THỊ ĐÀI	DH10BQ		<i>Trang</i>	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
43	10156081	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH10VT		<i>Phang</i>	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
44	10126186	NGUYỄN THỊ THÙY	DH10SH		<i>Thuy</i>	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
45	10160126	BÙI BẢO	DH10TK		<i>Bao</i>	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
46	08161229	ĐẶNG NHẬT	DH08TA		<i>Nhat</i>	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
47	09112201	ĐỖ MINH	DH10TY		<i>Minh</i>	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
48	10126234	ĐÌNH THANH	DH10SH		<i>Thanh</i>	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
49	10131069	ĐỖ QUỐC	DH10CH		<i>Quoc</i>	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
50	10161141	LÊ MINH	DH10TA		<i>Minh</i>	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
51	10111042	TRỊNH XUÂN	DH10CN		<i>Xuan</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
52	10112223	NGUYỄN HUYỀN	DH10TY		<i>Huyen</i>	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
53	10126201	ĐOÀN THỊ THU	DH10SH		<i>Thuy</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
54	10145168	HUỖNH THANH	DH10BV		<i>Thanh</i>	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8

Số bài: 61; Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

Thi Nguyễn Thanh Ngân
Thi Trần Văn Thanh

Trưởng Bộ môn
Nguyễn Văn Thanh

Đặng Văn Đức

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 01012

Trang 4/2

Môn Học : Toán cao cấp B2 (202113) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi :

25/04/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi TV101

Nhóm Thi :

Nhóm 13 - Tổ 004

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10125182	LÊ THỊ TUYẾN	DH10BQ			6,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
56	10142193	TRẦN THỊ TUYẾT	DH10DY				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
57	08126278	DƯƠNG MINH THÙY	DH08SH			7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
58	09141123	NGUYỄN NGỌC THANH	DH09NY			5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
59	10148306	NGUYỄN THỊ BÍCH	DH10DD			7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
60	10148312	NGUYỄN XUÂN	DH10DD			6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
61	09116197	ĐẶNG HỮU	DH09NT			6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
62	10126217	TRẦN TRỌNG	DH10SH			5,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
63	10112239	TRẦN VĂN	DH10TY			7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
64	10126221	ĐẶNG LONG	DH10SH			6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
65	10117264	NGUYỄN LA	DH10CT			6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
66	10148321	HUỲNH THỊ NHƯ	DH10DD			5,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 6; Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

TRƯỞNG BỘ MÔN

ĐĂNG VĂN AN